

GIẤY PHÉP MÔI TRƯỜNG

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BÌNH PHƯỚC

Căn cứ Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức Chính quyền địa phương ngày 22/11/2019;

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường;

Xét hồ sơ kèm theo Văn bản số 220923/CVGT ngày 22/9/2023 của Công ty TNHH Sung Ju Vina về việc chỉnh sửa, bổ sung, hoàn chỉnh báo cáo đề xuất cấp phép môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử và cho thuê nhà xưởng dư thừa”;

Theo đề nghị của Trưởng Ban quản lý Khu kinh tế tại Tờ trình số 61/TTr-BQL ngày 03/10/2023.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp phép cho Công ty TNHH Sung Ju Vina (sau đây gọi là Chủ dự án), địa chỉ: tại lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước được thực hiện các hoạt động bảo vệ môi trường của Dự án “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử và cho thuê nhà xưởng dư thừa” (sau đây gọi là Dự án), với các nội dung như sau:

1. Thông tin chung của Dự án

1.1. Tên Dự án: “Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử và cho thuê nhà xưởng dư thừa”.

1.2. Địa điểm hoạt động: Lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

1.3. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận đăng ký đầu tư:

- Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, mã số dự án 21551744887 do Ban Quản lý Khu kinh tế tỉnh Bình Phước cấp chứng nhận lần đầu ngày 08/8/2014, chứng nhận điều chỉnh lần thứ chín ngày 24/7/2023.

- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp, mã số doanh nghiệp 3801081366 do Phòng đăng ký kinh doanh, Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Bình Phước cấp đăng ký lần đầu ngày 08/8/2014, đăng ký thay đổi lần thứ năm ngày 18/10/2022.

1.4. Mã số thuế: 3801081366.

1.5. Loại hình sản xuất kinh doanh, dịch vụ: Nhà máy sản xuất thiết bị điện tử.

1.6. Phạm vi, quy mô, công suất của Dự án:

- Dự án đầu tư có tiêu chí về môi trường như dự án nhóm I theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

- Phạm vi: Dự án được thực hiện tại lô A5 và B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

- Tổng diện tích: 37.408,5 m² (Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 với diện tích 24.408,5 m²; Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 với diện tích 13.000 m²).

- Quy mô: Dự án đầu tư có tiêu chí như dự án nhóm B (phân loại theo tiêu chí quy định của pháp luật về đầu tư công).

- Công suất:

+ Nhà máy Sung Ju 1 - lô A5: Sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại và loa ti vi với công suất 150.000.000 bộ sản phẩm/năm và cho thuê nhà xưởng dư thừa với diện tích 4.000 m².

+ Nhà máy Sung Ju 2 - lô B7: Sản xuất loa tivi với công suất 20.000.000 bộ sản phẩm/năm.

Cụ thể:

TT	Sản phẩm	Đơn vị	Công suất	
			Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5	Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7
1	Loa vi tính	bộ sản phẩm/năm	53.225.806	0
2	Loa màn hình	bộ sản phẩm/năm	9.677.419	0
3	Loa điện thoại	bộ sản phẩm/năm	35.806.452	0
4	Loa tivi	bộ sản phẩm/năm	51.290.323	20.000.000
5	Cho thuê nhà xưởng dư thừa	m ²	4.000	0

2. Nội dung cấp phép môi trường và yêu cầu về bảo vệ môi trường kèm theo

2.1. Thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với nước thải quy định tại Phụ lục 1 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.2. Được phép xả khí thải ra môi trường và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 2 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.3. Bảo đảm giá trị giới hạn đối với tiếng ồn, độ rung và thực hiện yêu cầu về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 3 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.4. Yêu cầu về quản lý chất thải, phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường quy định tại Phụ lục 4 ban hành kèm theo Giấy phép này.

2.5. Yêu cầu khác về bảo vệ môi trường quy định tại Phụ lục 5 ban hành kèm theo Giấy phép này.

Điều 2. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của Công ty TNHH Sung Ju Vina:

1. Có quyền, nghĩa vụ theo quy định tại Điều 47 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Công ty TNHH Sung Ju Vina có trách nhiệm:

2.1. Chỉ được phép thực hiện các nội dung cấp phép sau khi đã hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường tương ứng.

2.2. Vận hành thường xuyên, đúng quy trình các công trình xử lý chất thải bảo đảm chất thải sau xử lý đạt quy chuẩn kỹ thuật môi trường; có biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung đáp ứng yêu cầu bảo vệ môi trường; quản lý chất thải theo quy định của pháp luật. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi chất ô nhiễm, tiếng ồn, độ rung không đạt yêu cầu cho phép tại Giấy phép này và phải dừng ngay việc xả nước thải, khí thải, phát sinh tiếng ồn, độ rung để thực hiện các biện pháp khắc phục theo quy định của pháp luật.

2.3. Thực hiện đúng, đầy đủ các yêu cầu về bảo vệ môi trường trong Giấy phép môi trường này và các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

2.4. Báo cáo kịp thời về UBND tỉnh Bình Phước, Ban Quản lý Khu kinh tế, Sở Tài nguyên và Môi trường, UBND thị xã Chơn Thành, Công ty TNHH C & N Vina nếu xảy ra các sự cố đối với các công trình xử lý chất thải, sự cố khác dẫn đến ô nhiễm môi trường.

2.5. Trong quá trình thực hiện, nếu có thay đổi khác so với các nội dung quy định tại Giấy phép môi trường này phải kịp thời báo cáo đến cơ quan cấp phép.

Điều 3. Thời hạn của Giấy phép: **10 năm** (từ ngày 10 tháng 10 năm 2023 đến ngày 10 tháng 10 năm 2033).

Điều 4. Giao Sở Tài nguyên và Môi trường, Ban Quản lý Khu kinh tế tổ chức kiểm tra việc thực hiện nội dung cấp phép, yêu cầu về bảo vệ môi trường đối với dự án được cấp phép theo quy định của pháp luật.

Giao Sở Thông tin và Truyền thông đăng công khai nội dung Giấy phép môi trường lên Cổng thông tin điện tử tỉnh và giao Ban Quản lý Khu kinh tế tiếp nhận Báo cáo công tác bảo vệ môi trường của dự án theo quy định tại Khoản 5, Điều 66 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường./.

Nơi nhận:

- Công ty TNHH Sung Ju Vina;
- Ban Quản lý Khu kinh tế;
- Sở TN&MT;
- Sở TT&TT;
- UBND thị xã Chơn Thành;
- Công ty TNHH C&N Vina;
- Cổng Thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT VT (NN-30GP06/10),.

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN

CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH



Nguyễn Anh Minh

Phụ lục 1.

**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI VÀO NGUỒN NƯỚC
VÀ YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI**

*(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 127.../GPMT-UBND
ngày 10../10../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)*

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ NƯỚC THẢI

Nước thải phát sinh từ Dự án được xử lý sơ bộ đạt cột B, QCVN 40:2011/BTNMT được đầu nối vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để tiếp tục xử lý đạt quy chuẩn theo quy định, không xả trực tiếp ra môi trường.

Đã thỏa thuận đầu nối nước thải phát sinh từ dự án vào hệ thống xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc theo các văn bản: Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số 075-2014/HĐTD/SJ ngày 25/6/2015 (lô A5); Hợp đồng cho thuê lại quyền sử dụng đất số 075-1-2017/HĐTD/SJ ngày 07/8/2017 (lô B7); Hợp đồng số 2508/HĐCN-S.J2023 ngày 25/8/2023 xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất của lô A5; Hợp đồng số 2508/HĐCN-S.J2023II ngày 25/8/2023 xử lý nước thải sinh hoạt, nước thải sản xuất của lô B7; Biên bản xác nhận đầu nối số 1905/BBTT2023 ngày 19/5/2023.

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ NƯỚC THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý nước thải và hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom nước thải từ các nguồn phát sinh nước thải để đưa về hệ thống xử lý nước thải

1.1.1. Hệ thống thu gom, thoát nước thải được tách riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước mưa.

1.1.2. Mạng lưới thu gom nước thải sinh hoạt

- Tại Nhà máy Sung Ju 1 - lô A5:

+ Nguồn số 01: Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, lavabor, nước rửa sàn văn phòng) của dự án với lưu lượng khoảng 45 m³/ngày được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích 156,8 m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất 105 m³/ngày (24 giờ) tại lô A5 để xử lý.

+ Nguồn số 02: Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, lavabor, nước rửa sàn văn phòng) của đơn vị thuê xưởng với lưu lượng khoảng 13,5 m³/ngày được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích 23,2 m³) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất 105 m³/ngày (24 giờ) tại lô A5 để xử lý.

+ Nguồn số 03: Nước thải từ nhà ăn của dự án với lưu lượng $32,5 \text{ m}^3/\text{ngày}$ sẽ được xử lý sơ bộ qua bể tách dầu (tổng dung tích $5,1 \text{ m}^3$) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất $105 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) tại lô A5 để xử lý.

Toàn bộ nước thải phát sinh sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm đầu nối trên đường D1 của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: $X(m)=1207976$, $Y(m)=539956$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^015'$, múi chiều 3^0).

- *Tại Nhà máy Sung Ju 2 - lô B7:*

+ Nguồn số 04: Nước thải sinh hoạt (từ các nhà vệ sinh, lavabor, nước rửa sàn văn phòng) của dự án với lưu lượng khoảng $45 \text{ m}^3/\text{ngày}$ được thu gom và xử lý bằng bể tự hoại 03 ngăn (tổng dung tích $12,4 \text{ m}^3$) sau đó dẫn về hệ thống xử lý nước thải tập trung của dự án với công suất $50 \text{ m}^3/\text{ngày}$ (24 giờ) tại lô B7 để xử lý.

Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh sau khi xử lý đạt QCVN 40:2011/BTNMT (cột B) sẽ được đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải (01 điểm đầu nối trên đường D1 của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc) dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để tiếp tục xử lý. Tọa độ điểm đầu nối nước thải: $X(m)=1270940$, $Y(m)=539979$ (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến $106^015'$, múi chiều 3^0).

1.1.3. Mạng lưới thu gom nước thải sản xuất

- *Tại Nhà máy Sung Ju 1 - lô A5:*

+ Nguồn số 05: Nước giải nhiệt từ hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Sung Ju Vina được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn, không xả ra môi trường.

+ Nguồn số 06: Nước thải sản xuất phát sinh từ đơn vị thuê xưởng (nếu có): Đơn vị thuê nhà xưởng có trách nhiệm lắp đặt (không xây dựng) công trình thu gom, xử lý nước thải sản xuất và ký hợp đồng thu gom, xử lý nước thải sản xuất với chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Hàn Quốc hoặc đơn vị có chức năng theo quy định, không được phép xả nước thải sản xuất vào hệ thống xử lý nước thải của Công ty TNHH Sung Ju Vina.

- *Tại Nhà máy Sung Ju 2 - lô B7:*

+ Nguồn số 07: Nước giải nhiệt từ hoạt động sản xuất của Công ty TNHH Sung Ju Vina được tuần hoàn tái sử dụng hoàn toàn, không xả ra môi trường.

1.2. Công trình, thiết bị xử lý nước thải

1.2.1. Hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

+ Nước thải sinh hoạt của Công ty TNHH Sung Ju Vina → Bể tự hoại 3 ngăn (1).

+ Nước thải sinh hoạt của đơn vị thuê xưởng → Bể tự hoại 3 ngăn (2).

+ Nước thải từ nhà ăn → Bể tách mỡ (3).

(1) + (2) + (3) → Bể gom → Bể điều hòa → Bể sinh học anoxic → Bể hiếu khí MBBR → Bể Lắng Lamella → Bể trung gian 3 ngăn → Cột lọc → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- Công suất thiết kế: 105 m³/ ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Clorine.

- Chế độ vận hành: liên tục.

1.2.2. Hệ thống xử lý nước thải tại Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7

- Tóm tắt quy trình công nghệ:

Nước thải sinh hoạt → Bể tự hoại 03 ngăn → Hệ thống thu gom → Bể điều hòa → Bể sinh học thiếu khí → Bể sinh học hiếu khí → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT, cột B đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải dẫn vào nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

- Công suất thiết kế: 50 m³/ngày (24 giờ).

- Hóa chất sử dụng: Clorine.

- Chế độ vận hành: liên tục.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc nước thải tự động, liên tục

Dự án không thuộc đối tượng phải lắp đặt hệ thống quan trắc nước thải tự động, liên tục.

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Trang bị phương tiện, thiết bị dự phòng cho hệ thống để ứng phó, khắc phục sự cố của hệ thống xử lý nước thải. Trường hợp xảy ra sự cố đối với hệ thống xử lý nước thải, tiến hành điều chỉnh công suất vận hành để giảm lượng nước thải phát sinh. Trường hợp thời gian sửa chữa kéo dài hơn 01 ngày, dừng hoạt động sản xuất để khắc phục. Chỉ tiến hành sản xuất trở lại sau khi hệ thống xử lý nước thải hoạt động trở lại bình thường.

- Định kỳ thực hiện kiểm tra, duy tu, bảo dưỡng thiết bị, máy móc hệ thống xử lý nước thải, hệ thống thu gom và tiêu thoát nước thải.

- Tăng cường biện pháp kiểm tra, giám sát hệ thống thu nước, cống thoát nước tránh tình trạng tắc cống.

- Phối hợp với Chủ đầu tư hạ tầng KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để giám sát các thông số nước thải của nhà máy trước khi đầu nối vào hệ thống thu gom nước thải, nhà máy xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 và Điểm a, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả nước thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 105 m³/ngày (24 giờ) của Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5.

- Hệ thống xử lý nước thải tập trung công suất 50 m³/ngày (24 giờ) của Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

- Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5:

+ Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (lấy tại Bể gom).

+ Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, công suất 105 m³/ngày (24 giờ), lấy tại hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc. Tọa độ: X(m)=1207976, Y(m)=539956 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3⁰).

- Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7:

+ Tại đầu vào của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy (lấy tại Bể điều hòa).

+ Tại đầu ra của hệ thống xử lý nước thải của nhà máy, công suất 50 m³/ngày (24 giờ), lấy tại hố ga đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc. X(m)=1270940, Y(m)=539979 (theo Hệ tọa độ VN2000, kinh tuyến 106°15', múi chiều 3⁰).

2.2.2. Chất ô nhiễm và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

Đảm bảo đạt tiêu chuẩn đầu nối vào hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc (QCVN 40:2011/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước thải công nghiệp, cột B).

2.2.3. Tần suất lấy mẫu

Đảm bảo thực hiện theo quy định tại Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, cụ thể:

- Giai đoạn điều chỉnh hiệu quả: Tối thiểu là 15 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu tổ hợp đầu vào và đầu ra của hệ thống xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm.

- Giai đoạn vận hành ổn định: Ít nhất là 01 ngày/lần (đo đạc, lấy và phân tích mẫu đơn đối với 01 mẫu nước thải đầu vào và ít nhất 07 mẫu đơn nước thải đầu ra trong 07 ngày liên tiếp của hệ thống xử lý nước thải) trong thời gian ít nhất là 07

ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh hiệu quả.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường:

3.1. Thu gom, xử lý nước thải phát sinh từ hoạt động của dự án, bảo đảm đáp ứng theo yêu cầu tiếp nhận, đầu nối nước thải của Chủ đầu tư xây dựng và kinh doanh hạ tầng KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, không xả trực tiếp ra môi trường.

3.2. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hóa chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị, hoá chất để thường xuyên vận hành hiệu quả các hệ thống, công trình thu gom, xử lý nước thải.

3.4. Có sổ nhật ký vận hành, ghi chép đầy đủ thông tin của quá trình vận hành công trình thu gom nước thải.

3.5. Công ty TNHH Sung Ju Vina chịu hoàn toàn trách nhiệm trước pháp luật về việc thực hiện đầu nối nước thải về hệ thống thu gom, xử lý nước thải tập trung của KCN Minh Hưng - Hàn Quốc để tiếp tục xử lý trước khi xả ra ngoài môi trường.

3.6. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.



Phụ lục 2.**NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI VÀ YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *.A.2.7.../GPMT-UBND* ngày 10../10../2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP XẢ KHÍ THẢI**1. Nguồn phát sinh khí thải**

- Nguồn số 01: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5.
- Nguồn số 02: Khí thải từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5.
- Nguồn số 03: Hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7.
- Nguồn số 04: Khí thải từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7.

2. Dòng khí thải, vị trí xả khí thải**2.1. Vị trí xả khí thải**

STT	Dòng khí thải	Vị trí xả thải	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106°15', múi chiều 3 ⁰	
			X(m)	Y(m)
1	Dòng khí thải số 01	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 (nguồn số 01)	1270975	539846
2	Dòng khí thải số 02	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 (nguồn số 02)	1270915	539812
3	Dòng khí thải số 03	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 (nguồn số 03)	1270893	540043
4	Dòng khí thải số 04	Ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải hàn từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 (nguồn số 04)	1270893	540048

Vị trí xả khí thải nằm trong khuôn viên của Công ty TNHH Sung Ju Vina, địa chỉ tại lô A5 và lô B7 thuộc KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

2.2. Lưu lượng xả khí thải lớn nhất

- Dòng khí thải số 01: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 20.628 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 02: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 56.650 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 03: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 42.000 m³/giờ.
- Dòng khí thải số 04: Lưu lượng xả khí thải lớn nhất 42.000 m³/giờ.

2.2.1. Phương thức xả khí thải

- Dòng khí thải số 01: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải (chiều cao 7m, đường kính DxR: 800 x 800 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 02: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải (chiều cao 13,5m, đường kính D x R: 500 x 400 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 03: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải (chiều cao 10 m, đường kính 500 mm), xả liên tục khi hoạt động.

- Dòng khí thải số 04: Khí thải sau xử lý được xả ra môi trường qua ống thoát khí thải (chiều cao 10 m, đường kính 500 mm), xả liên tục khi hoạt động.

2.2.2. Chất lượng khí thải

Chất lượng khí thải trước khi xả vào môi trường phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường, QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và một số chất vô cơ, cột B (hệ số $k_p = 0,8$; $k_v = 1,0$), QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ, cụ thể như sau:

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/BTNMT, cột B với $k_p=0,8$ và $k_v=1,0$	QCVN 20:2009/BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
1	Tại ống thoát khí từ hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 và Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 (đồng	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	- Tần suất quan trắc định kỳ: 03 tháng/lần.
		Nhiệt độ	°C	-	-	
		Ethanol (*)	mg/Nm ³	-	-	
		Butanone (*)	mg/Nm ³	-	-	
		Acetone (*)	mg/Nm ³	-	-	- Không thuộc đối tượng phải quan trắc bụi,
		Methyl methacrylate (*)	mg/Nm ³	-	-	
		Phenol	mg/Nm ³	-	19	
		Toluen	mg/Nm ³	-	750	

TT	Vị trí	Các chất ô nhiễm	Đơn vị tính	QCVN 19:2009/ BTNMT, cột B với $k_p=0,8$ và $k_v=1,0$	QCVN 20:2009/ BTNMT	Tần suất quan trắc định kỳ; quan trắc tự động, liên tục
	khí thải số 01 và dòng khí thải số 03)	Xylen	mg/Nm ³	-	870	khí thải tự động, liên tục theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/ ND-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.
		Cyclohexanone	mg/Nm ³	-	400	
		1-3 Butadien	mg/Nm ³	-	2.200	
2	Tại ống thoát khí từ hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 và Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 (dòng khí thải số 02 và dòng khí thải số 04)	Lưu lượng	m ³ /giờ	-	-	- Đối với thông số ô nhiễm (*) sẽ thực hiện quan trắc khi có quy chuẩn so sánh.
		Nhiệt độ	°C	-	-	
		Bụi	mg/Nm ³	160	-	
		SO ₂	mg/Nm ³	400	-	
		NO _x	mg/Nm ³	680	-	
		CO	mg/Nm ³	800	-	
		Sn (*)	mg/Nm ³	-	-	
		n-Heptan	mg/Nm ³	-	1.600	

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI THU GOM, XỬ LÝ KHÍ THẢI

1. Công trình, biện pháp thu gom, xử lý khí thải và hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục (nếu có)

1.1. Mạng lưới thu gom khí thải từ các nguồn phát sinh bụi, khí thải để đưa về hệ thống xử lý bụi, khí thải

- Nguồn số 01: Hơi dung môi, hơi keo và hơi mực in phát sinh từ quá trình pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý (dòng khí thải số 01).

- Nguồn số 02: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý (dòng khí thải số 02).

- Nguồn số 03: Hơi dung môi, hơi keo và hơi mực in phát sinh từ quá trình pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý (dòng khí thải số 03).

- Nguồn số 04: Khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 được thu gom và dẫn về hệ thống xử lý (dòng khí thải số 04).

1.2. Công trình, thiết bị xử lý bụi, khí thải

1.2.1. Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo và hơi mực in phát sinh từ quá trình pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, ống dẫn → Bộ lọc chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 20.628 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tầm lọc than hoạt tính.

1.2.2. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, ống dẫn → Bộ lọc chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 56.650 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tầm lọc than hoạt tính.

1.2.3. Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo và hơi mực in phát sinh từ quá trình pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, ống dẫn → Bộ lọc chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 42.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tầm lọc than hoạt tính.

1.2.4. Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7

- Tóm tắt quy trình công nghệ: Khí thải → Chụp hút, ống dẫn → Bộ lọc chứa than hoạt tính → Quạt hút → Ống thoát.

- Số lượng hệ thống xử lý: 01 hệ thống.

- Công suất thiết kế: 42.000 m³/giờ.

- Hóa chất, vật liệu sử dụng: Tầm lọc than hoạt tính.

1.3. Hệ thống, thiết bị quan trắc khí thải tự động, liên tục

Không thuộc đối tượng phải lắp đặt (theo quy định tại Khoản 2, Điều 98 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ).

1.4. Biện pháp, công trình, thiết bị phòng ngừa, ứng phó sự cố

- Tuân thủ các yêu cầu thiết kế và quy trình kỹ thuật vận hành, bảo dưỡng hệ thống xử lý bụi, khí thải.
- Kiểm tra thường xuyên hệ thống xử lý bụi, khí thải và định kỳ bổ sung/thay thế vật liệu sử dụng nhằm đảm bảo hiệu quả xử lý.
- Khi có sự cố, tạm dừng hoạt động sản xuất để kiểm tra, khắc phục sự cố. Sau khi khắc phục xong, hoạt động sản xuất tiếp tục khi hệ thống xử lý bụi, khí thải đảm bảo yêu cầu kỹ thuật và bảo vệ môi trường.

2. Kế hoạch vận hành thử nghiệm

2.1. Thời gian vận hành thử nghiệm

Theo quy định tại Điều 46 Luật Bảo vệ môi trường và Điểm a, Khoản 6, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

2.2. Công trình, thiết bị xả khí thải phải vận hành thử nghiệm

- Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo và hơi mực in phát sinh từ quá trình pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 (dòng khí thải số 01): công suất thiết kế 20.628 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5 (dòng khí thải số 02): công suất thiết kế 56.650 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo và hơi mực in phát sinh từ quá trình pha keo, dán keo và in tem tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 (dòng khí thải số 03): công suất thiết kế 42.000 m³/giờ.
- Hệ thống xử lý khí thải phát sinh từ quá trình hàn tại Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7 (dòng khí thải số 04): công suất thiết kế 42.000 m³/giờ.

2.2.1. Vị trí lấy mẫu

04 vị trí, tương ứng với 04 ống thoát khí thải của 04 hệ thống xử lý bụi, khí thải.

2.2.2. Chất ô nhiễm chính và giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm

- Đảm bảo đạt QCVN 19:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ (cột B, $k_p = 0,8$, $k_v = 1$).
- Đảm bảo đạt QCVN 20:2009/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với một số chất hữu cơ.

2.3. Tần suất lấy mẫu

Thực hiện quan trắc trong quá trình vận hành thử nghiệm các hệ thống xử lý khí thải theo quy định tại Khoản 5, Điều 21 Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường, cụ thể:

- Thời gian đánh giá trong giai đoạn điều chỉnh hiệu quả của công trình, thiết bị xử lý khí thải ít nhất là 75 ngày kể từ ngày bắt đầu vận hành thử nghiệm. Tần suất quan trắc khí thải tối thiểu là 15 ngày/lần.

- Thời gian đánh giá hiệu quả trong giai đoạn vận hành ổn định công trình, thiết bị xử lý khí thải ít nhất là 07 ngày liên tiếp sau giai đoạn điều chỉnh. Tần suất quan trắc khí thải ít nhất là 01 ngày/lần.

3. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường

3.1. Thu gom, xử lý khí thải phát sinh từ hoạt động của dự án đầu tư, bảo đảm đáp ứng quy định về giá trị giới hạn cho phép của chất ô nhiễm tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này trước khi xả thải ra môi trường.

3.2. Chịu trách nhiệm trước pháp luật khi có bất kỳ thông số nào không đạt yêu cầu quy định tại Mục 2.2, Phần A Phụ lục này và phải dừng ngay việc xả khí thải để thực hiện các biện pháp khắc phục.

3.3. Đảm bảo bố trí đủ nguồn lực, thiết bị để thường xuyên vận hành hiệu quả các công trình thu gom, xử lý bụi, khí thải.

3.4. Trong quá trình vận hành thử nghiệm, thực hiện nghiêm túc, đầy đủ trách nhiệm các nội dung quy định tại Khoản 7 và Khoản 8, Điều 31 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

3.5. Thực hiện các nội dung khác theo quy định của pháp luật hiện hành.

Phụ lục 3.**BẢO ĐẢM GIÁ TRỊ GIỚI HẠN ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG
VÀ CÁC YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12.7.../GPMT-UBND
ngày 10./10./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. NỘI DUNG CẤP PHÉP VỀ TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG**1. Nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung**

- Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5:

+ Nguồn số 01: từ khu vực hàn.

+ Nguồn số 02: từ khu vực lắp ráp.

+ Nguồn số 03: từ khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem.

+ Nguồn số 04: từ khu vực hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn.

+ Nguồn số 05: từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.

- Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7:

+ Nguồn số 06: từ khu vực hàn.

+ Nguồn số 07: từ khu vực lắp ráp.

+ Nguồn số 08: từ khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem.

+ Nguồn số 09: từ khu vực hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn.

+ Nguồn số 10: từ khu vực hệ thống xử lý nước thải.

2. Vị trí phát sinh tiếng ồn, độ rung: Lô A5 và lô B7, KCN Minh Hưng - Hàn Quốc, phường Minh Hưng, thị xã Chơn Thành, tỉnh Bình Phước.

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106 ⁰ 15', múi chiều 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
I	Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5		
1	Khu vực hàn	1270961	539783
2	Khu vực lắp ráp	127958	539825
3	Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem	1270964	539884
4	Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn	1270931	539876

STT	Vị trí quan trắc	Tọa độ VN2000: Kinh tuyến: 106 ⁰ 15', múi chiếu 3 ⁰	
		X (m)	Y (m)
5	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1270982	539880
II	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7		
6	Khu vực hàn	1270966	540023
7	Khu vực lắp ráp	1270971	540073
8	Khu vực hệ thống xử lý hơi dung môi, hơi keo, hơi mực in từ quá trình pha keo, dán keo, in tem	1270951	540088
9	Khu vực hệ thống xử lý khí thải từ quá trình hàn	1270950	540038
10	Khu vực hệ thống xử lý nước thải	1270938	539986

3. Tiếng ồn, độ rung

Phải bảo đảm đáp ứng yêu cầu về bảo vệ môi trường và QCVN 26:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2010/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung, cụ thể như sau:

3.1. Tiếng ồn

TT	Từ 6 giờ đến 21 giờ (dBA)	Từ 21 giờ đến 6 giờ (dBA)	Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
1	70	55	-	Khu vực thông thường

3.2. Độ rung

TT	Thời gian áp dụng trong ngày và mức gia tốc rung cho phép (dB)		Tần suất quan trắc định kỳ	Ghi chú
	Từ 6 giờ đến 21 giờ	Từ 21 giờ đến 6 giờ		
1	70	60	-	Khu vực thông thường

B. YÊU CẦU BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG ĐỐI VỚI TIẾNG ỒN, ĐỘ RUNG

1. Công trình, biện pháp giảm thiểu tiếng ồn, độ rung

- Kiểm tra và bảo dưỡng định kỳ các máy móc, thiết bị; thường xuyên kiểm tra và bôi trơn các chi tiết chuyển động của máy móc, sửa chữa các mối hở của thiết bị hoặc thay mới các máy móc bộ phận hoặc thiết bị hư hỏng để đảm bảo an toàn và giảm bớt tiếng ồn trong các khu vực sản xuất.

- Bố trí các máy móc thiết bị trong dây chuyền sản xuất một cách hợp lý, tránh trường hợp các máy gây ồn cao cùng hoạt động và trong cùng một khu vực sẽ gây cộng hưởng ồn, làm tăng độ ồn.

- Lắp đặt các đệm chống rung bằng cao su tại chân máy để khi hoạt động tránh va chạm, giảm thiểu tiếng ồn.

- Trang bị bảo hộ lao động cho công nhân viên làm việc trong khu vực có độ ồn cao.

- Áp dụng biện pháp bốc dỡ nguyên liệu và sản phẩm hợp lý, dùng các biện pháp sử dụng xe nâng để bốc dỡ, hạn chế nhập nguyên liệu vào những thời điểm có nhiều công nhân hoạt động.

2. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

2.1. Các nguồn phát sinh tiếng ồn, độ rung phải được giảm thiểu bảo đảm nằm trong giới hạn cho phép quy định tại Phần A Phụ lục này.

2.2. Định kỳ bảo dưỡng, hiệu chuẩn đối với các thiết bị để hạn chế phát sinh tiếng ồn, độ rung.

Phụ lục 4.
YÊU CẦU VỀ QUẢN LÝ CHẤT THẢI,
PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG
(Kèm theo Giấy phép môi trường số: 12.7.../GPMT-UBND
ngày 10./10./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. QUẢN LÝ CHẤT THẢI

1. Chung loại, khối lượng chất thải phát sinh

1.1. Khối lượng, chủng loại chất thải nguy hại (CTNH), chất thải công nghiệp phải kiểm soát phát sinh thường xuyên

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng (tấn/năm)	
					Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5	Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7
1	Các thiết bị, bộ phận, linh kiện điện tử thải (trừ bản mạch điện tử không chứa các chi tiết có các thành phần nguy hại)	Rắn	19 02 06	NH	4,3	1,2
2	Hộp chứa mực in (loại có các thành phần nguy hại trong nguyên liệu sản xuất mực) thải	Rắn	08 02 04	KS	0,3	0,1
3	Bóng đèn huỳnh quang và các loại thủy tinh hoạt tính thải	Rắn	16 01 06	NH	0,9	0,2
4	Dầu động cơ, hộp số và bôi trơn tổng hợp thải	Lỏng	17 02 03	NH	1,7	0,5
5	Bao bì nhựa cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 03	KS	2,6	0,7
6	Bao bì kim loại cứng (đã chứa chất khi thải ra là CTNH, hoặc chứa áp suất chưa bảo đảm rỗng hoặc có lớp lót rắn nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 02	KS	3,0	0,8
7	Bao bì mềm (đã chứa chất khi thải ra là CTNH) thải	Rắn	18 01 01	KS	3,1	0,9
8	Chất hấp thụ, vật liệu lọc (bao gồm cả vật liệu lọc dầu chưa nêu tại các mã khác), giẻ lau, vải bảo vệ thải bị nhiễm các thành phần nguy hại	Rắn	18 02 01	KS	1,2	0,3

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Ký hiệu phân loại	Số lượng (tấn/năm)	
					Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5	Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7
9	Ắc quy chì thải	Rắn	19 06 01	NH	0,2	0,05
10	Than hoạt tính (trong buồng hấp phụ) đã qua sử dụng từ quá trình xử lý khí thải	Rắn	12 01 04	NH	56,08	7,85
11	Chất thải lây nhiễm	Rắn/ lỏng	13 01 01	NH	0,02	0,01
Tổng cộng					73,4	12,61

Đối với chất thải công nghiệp phải kiểm soát: Thực hiện phân định, phân loại theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

1.2. Khối lượng, chủng loại chất thải rắn công nghiệp thông thường phát sinh

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Số lượng (Tấn/năm)	
					Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7
1	Bao bì kim loại (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH và không có lớp lót nguy hại như amiang) thải	Rắn	18 01 08	TT-R	16,2	4,4
2	Bao bì (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải bằng vật liệu khác (như composite)	Rắn	18 01 11	TT-R	18,5	5,0
3	Bao bì nhựa (đã chứa chất khí thải ra không phải là CTNH) thải	Rắn	18 01 06	TT-R	34,6	9,4
4	Thiết bị thải khác (Các bộ phận linh kiện hư hỏng không chứa thành phần nguy hại)	Rắn	19 02 07	TT	57,7	15,7
5	Kim loại và hợp kim các loại không lẫn với CTNH	Rắn	11 04 03	TT-R	27,7	7,5
6	Nhựa thải (hộp nhựa, miếng nhựa hư hỏng)	Rắn	03 02 12	TT-R	18,5	5,0

TT	Tên chất thải	Trạng thái tồn tại	Mã chất thải	Kí hiệu phân loại	Số lượng (Tấn/năm)	
					Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7
7	Pallet gỗ	Rắn	11 02 02	TT-R	11,5	3,1
8	Giấy và bao bì giấy các tông thải bỏ	Rắn	18 01 05	TT-R	11,5	3,1
9	Thiết bị thải khác	Rắn	19 02 07	TT	15,9	0,5
10	Bùn từ hệ thống xử lý nước thải	Bùn	12 06 13	TT	1,87	0,94
Tổng cộng					213,97	54,64

1.3. Khối lượng chất thải rắn sinh hoạt phát sinh

TT	Mã chất thải	Khối lượng (tấn/năm)	
		Nhà máy Sung Ju 1 – Lô A5	Nhà máy Sung Ju 2 – Lô B7
1	Rác thải sinh hoạt	351	270
Tổng khối lượng		351	270

2. Yêu cầu bảo vệ môi trường đối với việc lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải nguy hại

2.1. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại

2.1.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

2.1.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho:

+ Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5: 7 m².

+ Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Kho bố trí riêng biệt, mái che và tường bao quanh, nền bê tông chống thấm, có cửa, biển báo; rãnh, hố thu gom chất thải dạng lỏng chảy tràn,...

2.2. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn công nghiệp thông thường

2.2.1. Thiết bị lưu chứa: Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

2.2.2. Kho lưu chứa

- Diện tích kho:

+ Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5: 21,5 m².

+ Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Vách bao quanh, kho lưu giữ được cách biệt với kho lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, kho chứa được gắn biển báo.

2.3. Thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải rắn sinh hoạt

2.3.1. *Thiết bị lưu chứa:* Các thùng chứa, bao bì chuyên dụng.

2.3.2. *Khu vực lưu chứa*

- Diện tích kho:

+ Nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5: 10,6 m².

+ Nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7: 12 m².

- Thiết kế, cấu tạo: Vách bao quanh, kho lưu giữ được cách biệt với kho lưu giữ chất thải nguy hại và có cửa ra vào, kho chứa được gắn biển báo.

2.4. Yêu cầu chung đối với thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt

Các thiết bị, hệ thống, công trình lưu giữ chất thải nguy hại, chất thải rắn công nghiệp thông thường, chất thải rắn sinh hoạt phải đáp ứng đầy đủ yêu cầu theo quy định tại Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ PHÒNG NGỪA VÀ ỨNG PHÓ SỰ CỐ MÔI TRƯỜNG

1. Thực hiện trách nhiệm phòng ngừa sự cố môi trường, chuẩn bị ứng phó sự cố môi trường, tổ chức ứng phó sự cố môi trường, phục hồi môi trường sau sự cố môi trường theo quy định tại Điều 122, Điều 124, Điều 125 và Điều 126 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020.

2. Xây dựng, thực hiện phương án phòng ngừa, ứng phó sự cố theo quy định pháp luật.

3. Có trách nhiệm ban hành và tổ chức thực hiện kế hoạch phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường phù hợp với nội dung phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường trong Giấy phép môi trường này. Trường hợp kế hoạch ứng phó sự cố môi trường được lồng ghép, tích hợp và phê duyệt cùng với kế hoạch ứng phó sự cố khác theo quy định tại Điểm b, Khoản 6 Điều 124 Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020 thì phải bảo đảm có đầy đủ các nội dung theo quy định tại Khoản 2, Điều 108 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ.

Phụ lục 5.**CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG**

(Kèm theo Giấy phép môi trường số: *127*.../GPMT-UBND
ngày 10./10./2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh Bình Phước)

A. YÊU CẦU VỀ CẢI TẠO, PHỤC HỒI MÔI TRƯỜNG

Không thuộc đối tượng phải thực hiện cải tạo, phục hồi môi trường.

B. YÊU CẦU VỀ BỒI HOÀN ĐA DẠNG SINH HỌC

Không thuộc đối tượng phải thực hiện bồi hoàn đa dạng sinh học.

C. CÁC NỘI DUNG CHỦ DỰ ÁN ĐẦU TƯ/CƠ SỞ TIẾP TỤC THỰC HIỆN THEO QUYẾT ĐỊNH PHÊ DUYỆT KẾT QUẢ THẨM ĐỊNH BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ TÁC ĐỘNG MÔI TRƯỜNG

Đã hoàn thành toàn bộ các hạng mục, công trình sản xuất và các yêu cầu về bảo vệ môi trường đã được Chủ tịch UBND tỉnh Bình Phước phê duyệt tại Quyết định số 1376/QĐ-UBND ngày 27/5/2021 về việc phê duyệt Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án: “Tăng công suất sản xuất loa vi tính, loa màn hình, loa điện thoại, loa tivi từ 15,5 triệu sản phẩm/năm lên 150.000.000 bộ sản phẩm/năm và bổ sung dịch vụ cho thuê 4.000 m² nhà xưởng tại nhà máy Sung Ju 1 - Lô A5; Giữ nguyên công suất sản xuất loa tivi với công suất 20.000.000 bộ sản phẩm/năm tại nhà máy Sung Ju 2 - Lô B7”; không còn hạng mục, công trình sản xuất, bảo vệ môi trường cần tiếp tục đầu tư.

D. CÁC YÊU CẦU KHÁC VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG

1. Tuân thủ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17/11/2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định của pháp luật hiện hành.

2. Tuân thủ các quy định về an toàn hóa chất, an toàn lao động, vệ sinh công nghiệp; an toàn lao động; phòng chống cháy nổ và các quy phạm kỹ thuật, quy định khác có liên quan; bố trí nhân sự thực hiện công tác quản lý và bảo vệ môi trường trong quá trình thực hiện dự án.

3. Quản lý các chất thải phát sinh trong quá trình hoạt động đảm bảo các yêu cầu về vệ sinh môi trường và theo đúng các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường.

4. Báo cáo công tác bảo vệ môi trường định kỳ hằng năm hoặc đột xuất; công khai thông tin môi trường và kế hoạch ứng phó sự cố môi trường theo quy định của pháp luật.

5. Thiết lập mô hình quản lý và đảm bảo nguồn lực tài chính để các công trình bảo vệ môi trường của Dự án được duy trì vận hành hiệu quả và các chương trình quan trắc, giám sát môi trường được thực hiện theo quy định của pháp luật.

6. Thực hiện trách nhiệm của chủ nguồn thải chất thải rắn công nghiệp thông thường và chất thải nguy hại theo đúng quy định của pháp luật.

7. Thực hiện chương trình quản lý, giám sát môi trường và các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường theo nội dung được cấp giấy phép; số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước kiểm tra.

8. Thực hiện đúng, đầy đủ các quy định của pháp luật về bảo vệ môi trường và các quy định khác có liên quan đối việc cho thuê nhà xưởng dư thừa.

9. Thực hiện các trách nhiệm khác về bảo vệ môi trường theo quy định của pháp luật./.